

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2026/HNGĐ- ST
Ngày 24 tháng 7 năm 2026
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mai Khanh

Bà Đào Thị Kim Liên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Kiều Huyền Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2026/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Ngọc A, sinh năm 1966; nơi thường trú: Tổ 5, khu T, phường V, tỉnh Phú Thọ; nơi tạm trú: Tầng 9, khối A2, Nhà ở xã hội tại khu dân cư B, phường B, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: Bà Vũ Thị P, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ 5, khu T, phường V, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác, các đương sự thống nhất trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Theo ông A trình bày thì ông và bà P có tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 tại xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, ông bà có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương.

Tại đơn khởi kiện ban đầu, ông A có khai ông và bà P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ vào ngày 01/01/1992, do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà P.

Tuy nhiên, đến ngày 20/5/2026, ông A có đơn đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông A xác định vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục được khoảng 03 tháng, ông bà về chung sống tại tổ 5, khu T, phường V, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu cuộc sống chung hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung nên ông ông chuyển vào tỉnh K chung sống, hai bên không chung sống cùng nhau từ cuối năm 2022 đến nay. Do đó, ông A đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông A và bà P.

Bà P cũng xác nhận bà và ông A chung sống với nhau như vợ chồng, bà không đến Ủy ban đăng ký kết hôn theo quy định mà nhận Giấy chứng nhận kết hôn từ ông A, bà xác nhận tình trạng mâu thuẫn đúng như ông A trình bày. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A về việc đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Ông A và bà P đều xác nhận có 01 con chung là anh Đoàn Hoàng G, sinh ngày 25/11/1993. Hiện nay con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự túc được nên ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt,

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông A và bà P. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu. Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tiến hành tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, ngày 20/5/2026 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, do vậy đây là tranh chấp khác về hôn nhân và gia

định theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có nơi cư trú tại phường V, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Do ông Đoàn Ngọc A và bà Vũ Thị P đều đã đến Tòa án viết bản tự khai và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Ngọc A và bà Vũ Thị P đều thừa nhận khi về chung sống hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ năm 1992. Ông A cho rằng hai bên chung sống không có đăng ký kết hôn. Bà P ban đầu cho rằng vợ chồng có đăng ký kết hôn nên xuất trình 01 Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân thị trấn P (nay là Ủy ban nhân dân xã P). Tuy nhiên, sau đó bà P thừa nhận chưa bao giờ lên UBND xã để đăng ký kết hôn mà giấy này là do ông A mang về đưa bà, tại mục vợ chồng ký tên thì bà với ông A đều không có chữ ký nên ông bà không phải là vợ chồng có đăng ký kết hôn.

Điều này là phù hợp với chứng cứ do ông A xuất trình là văn bản số 447.UBND-VP ngày 17/4/2026 của Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Phú Thọ xác định: “Ủy ban nhân dân xã P không còn lưu trữ được Sổ đăng ký kết hôn năm 1992, không có thông tin đăng ký kết hôn của ông Đoàn Ngọc A”.

Kết quả xác minh của Tòa án thể hiện: “Hiện tại UBND xã không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn năm 1992 của UBND thị trấn P cũ”. Đối với Giấy chứng nhận kết hôn mà bà Vũ Thị P xuất trình, Ủy ban nhân dân xã P xác định “UBND xã đã kiểm tra toàn bộ sổ đăng ký kết hôn của UBND thị trấn P cũ sau năm 1992 nhưng đều không có thông tin kết hôn của ông Đoàn Ngọc A và bà Vũ Thị P”.

Do vậy, có đủ căn cứ xác định ông Đoàn Ngọc A và bà Vũ Thị P chung sống như vợ chồng không có đăng ký kết hôn nên cuộc hôn nhân của ông bà là không hợp pháp. Đến nay, cả hai bên đều nhất trí đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng nên cần tuyên bố không công nhận ông Đoàn Ngọc A và bà Vũ Thị P là vợ chồng là phù hợp.

- Về con chung: Cả hai bên đều xác nhận quá trình sống chung có 01 con chung là anh Đoàn Hoàng G, sinh ngày 25/11/1993. Sự thừa nhận này phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại Công an xã T, anh G là con chung của ông A, bà P nhưng anh G đã thành niên, có khả năng lao động tự túc nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và vấn đề khác: Ông Đoàn Ngọc A và bà Vũ Thị P đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Đoàn Ngọc A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 9, Điều 14, 15 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Ngọc A.

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đoàn Ngọc A và bà Vũ Thị P.

- Về con chung: Ông Đoàn Ngọc A và bà Vũ Thị P đều xác nhận có 01 con chung là anh Đoàn Hoàng G, sinh ngày 25/11/1993. Hiện nay con chung đã thành niên, có khả năng lao động tự túc được nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Tòa án không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

2. Về án phí: Ông Đoàn Ngọc A phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông A đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003941 ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Thu Hương